TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 301/2024/QĐST-VDS	*P, ngày 25 tháng 12 năm 2024*

.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 36, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 150, Điều 370, Điều 371, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 298/2024/TLST-VDS ngày ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc *"Thuận tình ly hôn"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Bà Trần Thị Tuyết P, sinh năm 199*. Địa chỉ: 16 M, khu phố 12, phường P, thành phố P, tỉnh B.

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 199*. Địa chỉ: 265/10 T, thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH

[1] Bà Trần Thị Tuyết P và ông Nguyễn Văn S tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau, đến ngày 12/3/2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, ngày 12/3/2019.

Chung sống với nhau được một thời gian, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã, càng về sau càng trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay bà Trần Thị Tuyết P và ông Nguyễn Văn S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết P và ông Nguyễn Văn S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trần Thị Tuyết P và ông Nguyễn Văn S có 01 con chung tên Nguyễn Trần Phúc N, sinh ngày 29/4/201*.

Sau khi ly hôn, bà Trần Thị Tuyết P và ông Nguyễn Văn S thống nhất ông Nguyễn Văn S đồng ý giao con chung tên Nguyễn Trần Phúc N cho bà Trần Thị Tuyết P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn S cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bà Trần Thị Tuyết P và ông Nguyễn Văn S có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Ông Nguyễn Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết P và ông Nguyễn Văn S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị Tuyết P và ông Nguyễn Văn S nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Ngày 20/11/2024, bà Trần Thị Tuyết P và ông Nguyễn Văn S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002372 tại Chi cục thi hành án thành phố P nay chuyển sang thành lệ phí và sung vào ngân sách nhà nước. Bà Trần Thị Tuyết P và ông Nguyễn Văn S đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp.P;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn.

THẨM PHÁN

Hà Thị Ái Q